

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 401/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2025
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nhơn**

2. Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Hải An** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2025 và ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ A**

Sinh năm: 12/12/1981

CCCD số: XXX XXX XXX XXX do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021

Địa chỉ: phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Lương Nguyễn Hoàng B**

Sinh ngày: 02/10/1977

CCCD số: XXX XXX XXX XXX do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021
Địa chỉ: phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn ngày 18/3/2025, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Lương Nguyễn Hoàng B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2003. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B không chăm sóc, lo lắng cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Nay thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Nguyễn Hoàng B

- Về con chung: Bà A và ông B có 02 người con chung tên là Lương Nguyễn Hồng C sinh ngày 06/5/2004 và Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ D và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà A nộp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bị

đơn chấp hành chưa đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lương Nguyễn Hoàng B cư ngụ tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Lương Nguyễn Hoàng B là tranh chấp ly hôn.

- Về thủ tục: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/4/2003 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Lương Nguyễn Hoàng B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo như bà A trình bày thì bà A và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, quan hệ hôn nhân của ông bà ngày càng rạn nứt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là

ông Lương Nguyễn Hoàng B, nhưng ông Lương Nguyễn Hoàng B không tham gia và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào. Điều này thể hiện ông Lương Nguyễn Hoàng B không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm và thờ ơ với tình trạng hôn nhân của mình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà A là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: bà A và ông B có 02 người con chung tên là Lương Nguyễn Hồng C sinh ngày 06/5/2004 (đã trưởng thành) và Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B không ý kiến nào về việc tranh chấp nuôi con và trẻ Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012 có nguyện vọng được sống với bà A nên yêu cầu của bà A là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ A:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Mỹ A được ly hôn với ông Lương Nguyễn Hoàng B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/4/2003 cho bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Lương Nguyễn Hoàng B hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu

lực pháp luật.

- *Về con chung*: Ông bà có 02 con chung tên là Lương Nguyễn Hồng C sinh ngày 06/5/2004 (đã trưởng thành) và Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012. Giao trẻ Lương Nguyễn Hồng D sinh ngày 17/2/2012 cho bà A trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Do có đủ điều kiện nuôi con nên bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ A chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0053152 ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị Mỹ A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh
- THA DS Quận Bình Thạnh
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)
Vũ Thị Ngọc Yến